

# BẢN SẮC VĂN HÓA Ở ĐẤT MỚI ĐÀNG TRONG

## TRẦN ĐÌNH HẰNG

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ Thăng Long, sự phức tạp và căng thẳng trong nội tình dòng họ, triều chính cuối thời Lê - Trịnh đã đưa đến bước ngoặt lịch sử khi vương triều thế lực chính trị mới sau sự kiện Đao Quận công Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa năm Mậu Ngọ (1558).

Với vô vàn khó khăn nguy nan buổi đầu, những tướng đi vào tử địa, nhưng chúa Tiên từ Ái Tử, đã được cả lòng người lẫn ý trời phù trợ, chuyển hóa thành sinh lộ độc đạo, tạo tiền đề cho hậu thế mở cõi về Nam, vượt Hải Vân, vào tới Gia Định - Nam châu trù phú. Từ khát vọng ban sơ, chúa Tiên đã phác thảo nên chiến lược về Nam, các chúa cụ thể hóa, hoàn thiện dần, xây dựng Đàng Trong thành vương quốc mới: từ phương diện tư tưởng, hoàn thiện chính thể, các khía cạnh văn hóa vật chất. Các khía cạnh kiến trúc, âm thực, phương tiện đi lại, với khát vọng hóa giải lời sấm truyền "Bát thế hoàn Trung đô" thời Võ vương, là duyên cớ, nguyên nhân sâu xa dẫn tới cuộc cải tổ toàn diện để hoàn thiện quá trình kiến tạo đất mới Đàng Trong, nhất là trong tư tưởng, trang phục. Cải cách Võ vương là kết quả của cả một chiến lược thâm sâu, thể hiện rõ nhu cầu, khát vọng canh tân để xác lập bản sắc văn hóa, bản lĩnh cộng đồng quốc gia mới trên lãnh thổ Đàng Trong.

### 2. DẤU ẤN KIẾN TRÚC

Tìm hiểu di sản kiến trúc Đàng Trong để khẳng định, nhấn mạnh tinh thần chủ đạo là tư tưởng Thái hòa, hòa hợp thiên nhiên, tận dụng tối đa lợi thế của địa hình, vật liệu tự nhiên, phát huy di sản từ cổ hương đất Bắc, tiếp thu truyền thống bản địa và sự tích ứng, dung hòa để kiến tạo nên hệ giá trị mới.

Đàng Trong lớn mạnh gắn liền quá trình mở cõi, từ trại binh ở Ái Tử thời Đao Quận công (Mậu Ngọ - 1558) đến việc Võ vương xưng vương (Giáp Tý - 1744). Hệ thống dinh phủ hành chính nhà nước từ Đô thành đến các địa phương được kiến thiết qui mô, phù hợp tự nhiên và xã hội Đàng Trong. Dinh phủ Phú Xuân thời Minh vương Nguyễn Phúc Chu có phần khiêm tốn bởi không có thành quách, với hàng rào tre gai xung quanh, bên trong dựng hàng trại cỏ tranh đặt súng đồng đúc tinh xảo. Sau trại súng lại có hàng rào tre, phía trong là tường thấp.<sup>(1)</sup>

Kê Huê là kinh đô rất đẹp, triều đình có nhiều quan chức, ăn vận lông lấy nhưng điện đài không đồ sộ, bởi chỉ xây cất bằng gỗ, rất tiện lợi, rất đẹp nhờ chạm trổ tinh vi. Phòng khánh tiết trong dinh phủ Kim Long năm 1645 được trang hoàng lông lấy, một góc căng thảm và trang trí rất đẹp.<sup>(2)</sup>

Đô thành Phú Xuân thời Võ vương rất qui mô với nhiều điện, phủ, gác, đường, đài, đình, am, hiên (hai điện Kim Hoa, Quang Hoa; ba gác Dao Trì, Triều Dương và Quang Thiên; các đường Tự Lạc, Chính Quan, Trung Hòa, Di Nhiên; cùng đài Sướng Xuân, đình Thụy Vân, hiên Đồng Lạc, am Nội Viện, đình Giáng Hương...). Bên ngoài cung phủ, ở thượng lưu sông Hương là phủ Dương Xuân, điện Trường Lạc, hiên Duyệt Võ... Gác Triều Dương nhìn xuống sông, quy mô càng rộng rãi sáng sủa. Phía trên dưới đô thành được qui hoạch ô bàn cờ, với quân xá và đệ trạch các công hầu. Phía ngoài thành thì chợ phố liên tiếp, cây to um tùm, thuyền bè đi lại như mắc cửi, thực là một nơi đô hội lớn.<sup>(3)</sup>

Các công trình được xây dựng đồ sộ, chủ yếu bằng gỗ.<sup>(4)</sup> Đại điện Kim Hoa ở đô thành Phú Xuân có 3 dãy, mỗi dãy 9 gian, theo lối kiến trúc trùng thiềm, được trang trí bằng đồng, thiếc; điện Nam Lâu có hai tầng, 4 mặt có lan can.<sup>(5)</sup> Phú Xuân từ dinh phủ nâng lên đô thành, được kiến thiết qui mô tráng lệ, riêng "nhà quan và nhà lính tới mấy vạn nhà". Quân Trịnh vào Phú Xuân (1775), hơn 3 vạn người tự do lấy củi, phá dỡ các công trình, đốt cháy trong nhiều ngày. Đầu năm 1776, lại mở trường đúc tiền, lấy để làm than, lâu vẫn chưa hết.<sup>(6)</sup>

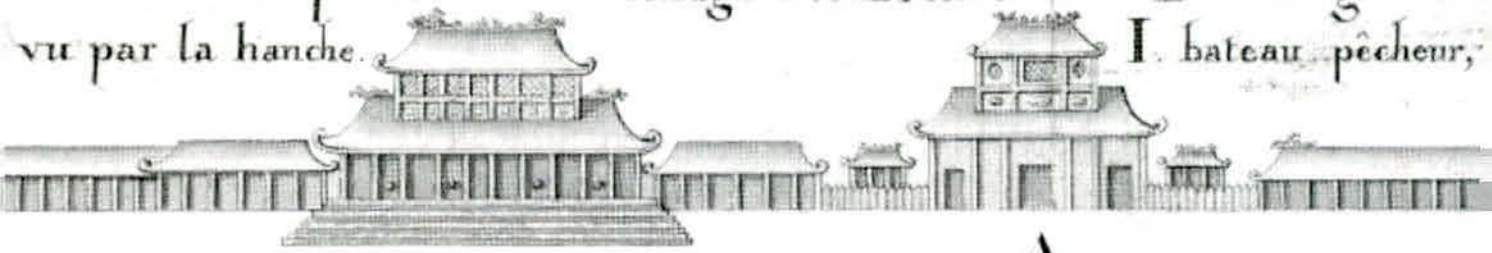
Từ nguy cơ hỏa hoạn, quá trình hoàn thiện công cuộc kiến thiết đã đưa chất liệu vôi vữa, gạch ngói đến các công trình kiến trúc. Huế là thành phố vườn độc đáo, làm nên nét riêng trong nghệ thuật kiến trúc nhà vườn. Nhà vườn của quý tộc thượng lưu nằm dọc sông Hương, sông An Cựu, hòa trong hệ thống phố thị phồn hoa, đường sá, cây cối, thuyền bè tấp nập.<sup>(7)</sup> Chỉ trong ba ngày, Minh vương đã cho nghìn lính thợ hoàn tất tòa phương trượng năm gian ba mươi hai cột, bốn phía có hành lang; vách tường, rầm thượng, rầm hạ đều bằng ván; một nhà hậu liêu năm gian, hai mươi cột, để tiếp đón Thích Đại Sán.<sup>(8)</sup> Điều đó cho thấy rõ kỹ thuật, nghệ thuật dựng nhà rường Huế đã đạt tới trình độ cao.

### 3. TRANG PHỤC

Trang phục rất quan trọng để xác lập bản sắc văn hóa, tạo nên giá trị đặc trưng, khác biệt và sự thống nhất về hành chính, thể hiện rõ qua cuộc cải cách thời Võ vương với nhiều khát vọng canh tân.

Từ thế kỷ XVI, chính quyền Thuận - Quảng nghiêm cấm phụ nữ dùng quần không đáy, phải dùng quần như nam giới, nhuộm đà hoặc chàm để phân biệt nam nữ,<sup>(9)</sup> bởi hiện tượng này rất phổ biến, làm phương hại thuần phong mỹ tục. Người miền Bắc mặc quần rất tiện ích, phù hợp di cư trong khi người bản địa dùng váy, khổ và chủ đạo màu đà, màu chàm phù hợp đời sống bình dân.

une galerie ou d'un portique qui entour le palais principal du R.  
E. Balon de promenade à l'usage des Princesses. F. Demie galere  
vu par la hanche. I. bateau pêcheur,



A.

Đô thành Phú Xuân: Cổng thành mặt trước (Le Floch de la Carrière, 1787).

Năm Tân Mùi [1691], Ngải vương Nguyễn Phúc Thái cho đổi trấn Thuận Thành làm phủ Bình Thuận, bổ nhiệm thổ quan và lại cho “bắt mặc quần áo theo lối người Kinh và sai vẽ để vỗ yên lòng dân”. Võ vương Nguyễn Phúc Khoát xưng vương (Giáp Tý -1744), tạo nên dấu ấn triều đại với những giá trị riêng có, đến nổi trong đợt Nam chinh năm Bình Thân [1776], chúa Trịnh Sâm còn ra lệnh Thuận Hóa “phải đổi quần áo theo tục cũ Bắc Hà.”<sup>(10)</sup>

Thượng vương Nguyễn Phúc Lan cùng phu nhân trang phục rất lộng lẫy. Khi các quan tới chầu thì bên ngoài có chừng bốn ngàn binh lính đứng gác, hai đạo cấm binh vòng trong mặc áo dài hàng hoa tím, có dải vàng trước bụng; hai đạo binh còn lại ở xa hơn, mặc áo choàng màu đen; tất cả đều được trang bị kiếm thép bạc, hàng ngũ trang nghiêm<sup>(11)</sup>. Minh vương Nguyễn Phúc Chu kiện toàn thể chế vương quốc, đón tiếp Thích Đại Sán thì “mặc đạo bào, không xiêm mào như lần trước, càng có vẻ hòa vui hơn”, giới thiệu các đồ vật ngự dụng, với các món bằng vàng bạc châu báu chạm trổ công phu, như nhẫn mệnh sự khác biệt, xu hướng cung đình hóa của Đàng Trong. Đoàn ngự đạo rất qui mô, qui củ, với ba đội quân phân biệt trang phục: đội quân mũ đỏ đẹp đường, đội thị vệ được trang bị đao thương bằng vàng, đội khiêng kiệu chỉ đóng khổ. Theo đoàn ngự đạo là những người hầu, cũng cầm kim đao kim thương. Quốc vương ngồi trên kiệu luy diên, có dạng giống hình xe lừa, đội mào xung thiên cánh chuồn, mặc đạo bào màu đen, đi giày nhung, không mang bít tất<sup>(12)</sup>.

Hai lớp quân binh bảo vệ nghiêm ngặt, được phiên chế chặt chẽ theo dạng cấm binh. Lớp bên ngoài đội nón sơn đỏ, có thép vàng, mặc áo đoạn màu đỏ và cầm kim thương; lớp bên trong có sự khác biệt bởi họ trẻ khỏe hơn, trên đầu chít khăn ã-la-ni màu đỏ, mặc áo nhung lục, cầm kim đao như lính Cẩm Y vệ.

Cuối thế kỷ XVIII, phẩm phục triều đình Đàng Trong được hoàn thiện, điển chế hóa. Linh mục Koffler mô tả trang phục sang trọng, lộng lẫy của nhà vua và các vị đại thần. Quan văn được đội mũ tiến sĩ, được tô điểm bằng vàng; võ quan đội mũ uốn cong, trên cài bươm ngựa, tất cả được điểm hoa bằng vàng, châu báu, tôn thêm vẻ uy nghi. Phía trước ngực và sau lưng bộ lễ phục được thêu chỉ vàng hình một con sư tử. Long bào của nhà vua thêu chỉ vàng một con rồng có cánh rất lộng lẫy. Đặc biệt với các loại triều phục đều được đeo thắt một chiếc đai vàng tương tự như của nhà vua.

Với các hạng quan lại thấp hơn: võ quan được đội mũ tô

điểm bằng bạc và những linh thú 4 chân biểu tượng tùy phẩm cấp (báo, hổ...); quan văn được tô điểm bằng hình tượng công, sếu, thiên nga, hoặc các loài chim muông khác. Riêng các quan chưởng thái giám được phân biệt ở chiếc mũ riêng biệt, tô điểm một bông hoa hồng bằng vàng. Vị Chưởng thái giám còn được đặc ân đeo hình tượng con sư tử bằng vàng với một cổ áo bằng lụa quý màu trắng, rũ xuống ngực ở cả hai bên cho tới thắt lưng.<sup>(13)</sup>

Trang phục trong chiến lược cải cách hành chính, cải đổi phong tục của Võ vương những năm 1740 có công lao nổi bật của Hội đồng Hoàng gia: nhà vua và 5 quan võ, 4 quan văn quyền quý nhất, để giải quyết những vấn đề trọng yếu. Nhà vua không thể tự quyết tuyên chiến, lập ra tôn giáo mới hay thay đổi tục lệ, nên khi muốn du nhập, tái hiện kiểu Minh phục, Võ vương phải đưa ra hội đồng một cách rất khéo léo, đến mức dân chúng dần thay thế áo quần tời tàn, cấu thả của miền Ngoài bằng một lối trang phục trang nhã. Cuối thế kỷ XVIII, trang phục Nam Hà đã qua một cuộc biến cách, cải biên rất nhiều: không đi những đôi giày nặng nề, những đôi tất bông hoặc những đôi ủng sa tanh thô vụng, mặc những chiếc váy chên nhồi bông mà họ thường để bấp chân trần và luôn đi chân đất. Họ có mái tóc đen dài tương tự như của người Mã Lai, thường được búi gọn lại thành lọn trên đỉnh đầu theo lối thời Minh.<sup>(14)</sup>

Người Nam Hà rất chăm chút bộ râu, thường xuyên vuốt ve, xúc nước thơm. Người ta thích mái tóc dài, đen mượt, cho đó là quý phái nên phụ nữ để mái tóc dài chấm gót, đàn ông dài tận gối. Phụ nữ quý phái thích cạo lông mày, chỉ để lại một đường vạch nhỏ đen cong, như để móng tay dài ở các văn nhân, nhấn mạnh yếu tố quý tộc, không lao động chân tay. Nhà vua còn đặc biệt ưu tiên để móng ngón út phải luôn dài, nhọn nhất nên trong xã hội, người cao quý phải để móng tay dài khi siêng năng mài dũa, dùng con dao díp nhỏ để cạo cho sạch, nhẵn.

Koffler rất ấn tượng về sự tài hoa, khéo léo, đảm đang của người phụ nữ từ vấn đề gia giáo, nổi bật với tài hoa khôn khéo, để làm cho tài sản của gia đình được sinh sôi. Các bà có quá nhiều tài khéo nhờ mẹ dạy dỗ, tạo thành nề nếp, quen chuyện may vá thêu thùa từ nhỏ, cùng với các kỹ năng quay sợi bông và lụa để dệt vải, nhuộm nhiều màu, hay làm bánh ngọt, bánh mặn, mứt quả...<sup>(15)</sup>

Chúa Nguyễn Phúc Khoát xưng vương, cải cách toàn diện xứ sở, tất cả được khoác thêm lớp áo tâm linh thiêng liêng để hóa giải lời sấm truyền “Bất thế hoàn Trung đô” để cắt đứt với Đàng Ngoài, “đổi y phục, thay phong tục, cùng

dân đổi mới".<sup>(16)</sup> Võ vương cho mời một ẩn sĩ lưng danh trên 80 tuổi, trụ trì một ngôi cổ tự trên núi cao ở miền Nam và được Đức Thánh Mẫu thông linh một số chuyện đại sự quốc gia, để làm nên cuộc cải cách.<sup>(17)</sup> L. Cadiere lưu ý cải cách y phục thời Võ vương mang đậm màu sắc không hoàng tôn giáo.<sup>(18)</sup>

#### 4. PHƯƠNG TIỆN ĐI LẠI

Điều kiện địa lý tự nhiên miền Trung chi phối các phương tiện giao thông nên cần nhấn mạnh sự thích ứng, sáng tạo của người Đàng Trong, nổi bật là bằng đường bộ, đường thủy; ngoài đi bộ, phổ biến việc đi cáng, vồng, kiệu có người khiêng, các loại xe ngựa và dùng voi.

Con đường thiên lý huyết mạch giúp gắn kết, xóa nhòa sự chia cắt của địa hình nhiều núi đèo, sông suối, ngày càng phát huy vai trò giao thông đường bộ suốt từ thời Lý - Trần - Lê. Nó nối liền Thuận-Quảng, có nhiều khởi sắc nhờ vai trò của Trấn Quận công Bùi Tả Hán, dọc đường xây dựng cầu cống, cùng thuyền đò hỗ trợ, với nhiều dịch trạm quân bưu.<sup>(19)</sup>

Từ Hội An ra Huế hồi cuối thế kỷ XVII, Thích Đại Sán mô tả lộ trình từ đi bộ, đi cáng, đi vồng, gặp địa hình sông nước, lại chuyển sang đi thuyền và ngược lại, từ đường thủy sang đường bộ, hay khi nước cạn, phải rời thuyền đi bộ.<sup>(20)</sup> Le Floch de la Carrière đi từ xứ Quảng ra Phú Xuân chỉ bằng đường bộ, băng núi Hải Vân đến Cầu Hai rồi đi thuyền ra Huế.<sup>(21)</sup> James Bean hồi 1765 từ Hội An đến Huế: từ vịnh Đà Nẵng, đi thuyền, thuê cáng có người khiêng với hai người tháp tùng thay phiên, qua những bãi cát dài, phải đi bộ để leo núi, xuống đèo, lại tiếp tục dùng thuyền ra Huế.<sup>(22)</sup>

Xứ Đàng Trong nổi bật tầm quan trọng của ngựa và voi, đặc biệt voi được coi là nét nổi bật của văn hóa Đông Nam Á. Hậu phương cho sứ mệnh trung hưng của An Thanh hầu Nguyễn Kim là vùng đất Sầm Châu (Ai Lao), với nhiều hào kiệt, quân binh và nhất là tượng binh,<sup>(23)</sup> nên buổi đầu, chúa Tiên lựa chọn Ái Tử để dựa vào huyết mạch thủy lộ sông Hiếu - cửa Việt - ải Ai Lao, với Cửu châu kỳ mi luôn được coi trọng bởi nguồn cung cấp tượng binh.<sup>(24)</sup>

Ghe thuyền là phương tiện vận tải đường thủy chủ đạo. Từ thế kỷ XVI, nhà nước khuyến khích người dân phát triển các loại thuyền nan, thuyền ván, được trét dầu rái kỹ bởi sự tiện lợi, dễ chèo với tốc độ nhanh, thuận lợi vào sông ra biển.<sup>(25)</sup> Xứ sở có nhiều sông ngòi, đầm phá, nên thuyền bè hữu dụng, nhất là trong mùa mưa lũ.<sup>(26)</sup> Ghe bầu đặc trưng, phổ biến, được sử dụng phổ biến trên một vùng đất rộng lớn từ Hội An vào Bình Thuận, vùng đất của người Chăm ngày trước.<sup>(27)</sup>

Ở Đàng Trong có nhiều loại thuyền bè, chỉ riêng những tặng phẩm dành cho phái bộ nước Anh đã được chở trong những thuyền buồm, đi trước là một đoàn quan chức trên những chiếc thuyền chèo lớn, sơn màu sắc sỡ, trang hoàng cờ hiệu, cờ đuôi nheo. Kỹ nghệ đóng thuyền độc đáo với đủ các loại kích cỡ, nhiều loại gỗ chất lượng, có những du thuyền dùng mái chèo xinh đẹp, đôi khi được ghép bằng năm tấm ván gỗ nguyên bản, từ đầu đến cuối, có các gờ lắp mộng, được đóng khít bằng chốt gỗ, buộc chặt bằng

sợi mây tre mà không cần đến những thanh chống hoặc xà ngang. Mũi thuyền và thân thuyền được nâng lên khá cao, chạm trở cầu kỳ những hình thù rồng rắn kỳ dị, trang trí sơn thếp. Một số cột và các thanh long đao có cắm cờ hiệu và cờ đuôi nheo, với những giáo mác được trang hoàng các chùm lông đuôi bò nhuộm đỏ, đèn lồng và dù lọng để phân định phẩm trật chủ nhân, ở đầu và cuối thuyền.<sup>(28)</sup>

Nhờ lực lượng thủy quân mạnh, với nhiều thuyền bè như vậy mà hoàng tử Phúc Nguyên từng linh hơn 10 chiếc thuyền, tiến thẳng đến cửa Việt, về vang đánh tan 2 chiếc thuyền Tây dương của Hiến Quý. Năm Giáp Thân (1644), một chiến công vang dội được lập lại bởi Thế tử Dũng Lễ hầu Nguyễn Phúc Tần với giặc Ô Lan ở Cửa Eo.<sup>(29)</sup>

Các loại thuyền bè vốn rất phong phú và đa dạng về loại hình, đóng vai trò rất quan trọng trong xã hội Nam Hà. Điểm then chốt là trình độ đóng thuyền, khả năng đi sông biển của họ đã đạt được nhiều thành tựu rực rỡ, nhất là trong sứ mệnh quốc phòng an ninh, khai thác biển và giao thương vận tải.

#### 5. ĂM THỰC

Ăm thực mang nhiều dấu ấn và giá trị đặc trưng, tiền đề quan trọng để hình thành bản sắc văn hóa Đàng Trong, thể hiện rõ nét thế ứng xử của con người trước thiên nhiên và xã hội, làm nên hệ đặc sản món ăn từ đồng ruộng, nương vườn, sông suối, đầm phá, biển cả và núi rừng trung du...

Đời sống dân gian Nam Hà có nhiều thịt thà bởi người ta nuôi nhiều bò, dê, lợn, trâu, cùng nhiều thịt thú rừng như hươu nai, lợn rừng... và nhiều gia cầm có thịt thơm ngon. Đặc biệt các món cá giúp ngành ngư nghiệp thịnh vượng, nhờ hương vị tuyệt diệu, nên người ta ăn cá nhiều hơn ăn thịt. Họ chuyên đánh cá để làm nước mắm. Nước mắm có hương vị độc đáo, nhà nào cũng dự trữ đầy ắp trong nhiều chum vại lớn, dùng để gọi nên hương vị và kích thích vị để ăn ngon cơm. Ngoài ra, người ta cũng ăn nhiều sò, hến và các hải sản khác...<sup>(30)</sup>

Theo John Barrow, người Trung Hoa thường bày kín, la liệt các bát đĩa thức ăn trên bàn, còn người Nam Hà lại hào phóng hơn, không chỉ bày kín thức ăn khắp mặt bàn mà còn chõng xếp bát đĩa thức ăn lên cao thành dãy, tới ba bốn lớp. Thực khách choáng ngợp bởi hiếm khi được ngồi trước chõng bát đĩa hơn 200 cái, chưa kể các bát cơm được chuyển tới tận tay. Trong khi ăn, người ta không dùng thức uống mà phổ biến dùng nước chè sau khi ăn xong.

Biển cả cho nhiều hải sản quý. Người ta chỉ ăn hai bữa cơm mỗi ngày, vào lúc 9-10 giờ sáng và lúc xế chiều, với nhiều cơm, bún, rau, nhiều trái cây và ít ăn thịt. Người Nam Hà còn dùng nhiều loại rau để nấu canh, hầm với thịt, hoặc ăn sống để bữa cơm thêm phần ngon miệng. Từ gạo, họ làm ra một thứ bún/ miến Lock-Soy, được xuất khẩu với số lượng lớn. Người xứ nóng ẩm ít thích ăn thịt động vật, cá thông dụng hơn và bữa cơm ngon miệng hơn với muối, ớt hoặc tiêu, một vài lá rau chua...<sup>(31)</sup>

Ăm thực chốn dinh phủ càng độc đáo, với những bữa tiệc chốn cung nội của nhà vua rất sang trọng. Hàng ngày, người ta dâng lên nhà vua khoảng một trăm món ăn,

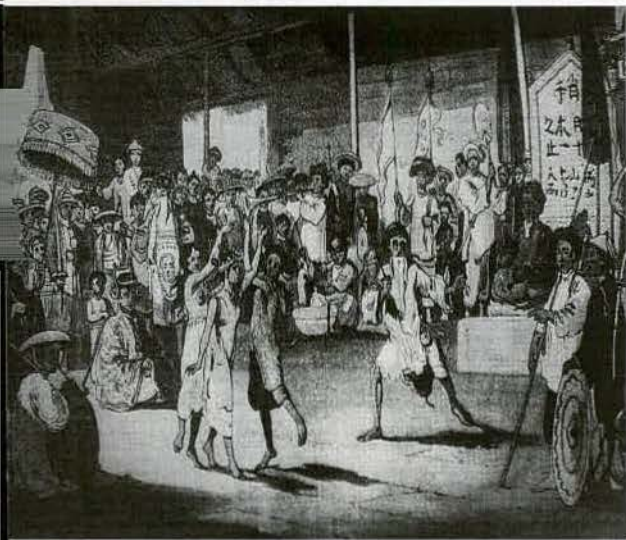
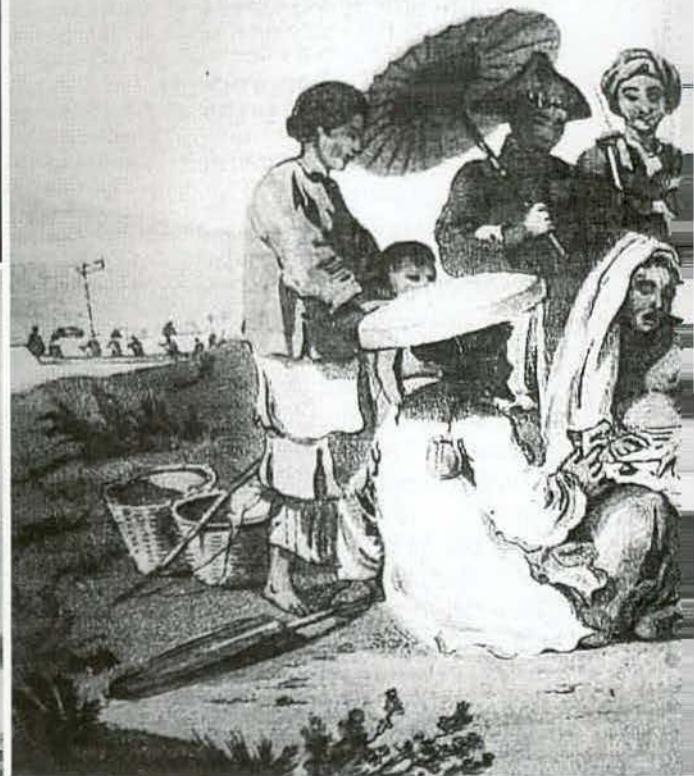
(Xem tiếp trang 36)

# KỶ HOẠ XỨ ĐÀNG TRONG

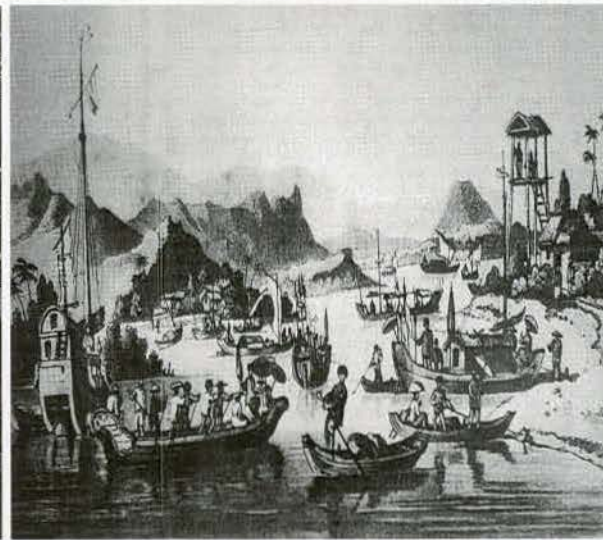
Quan văn và quan võ. Tranh khắc bởi Clark, theo những nét phác họa Trung Hoa. Các bản tranh khắc được trích từ Nhật ký hành trình của đại sứ từ Ấn Độ đến triều đình Xiêm và Đàng Trong, bởi Crawford, London, Colburn, 1828, Thư viện Quốc gia, Phòng Ấn phẩm.



"Nhóm người Đàng Trong tụ tập chơi trò chơi"  
(Chuyến đi của Barrow).



"Cảnh sân khấu của người Đàng Trong"  
(Chuyến đi của Barrow).



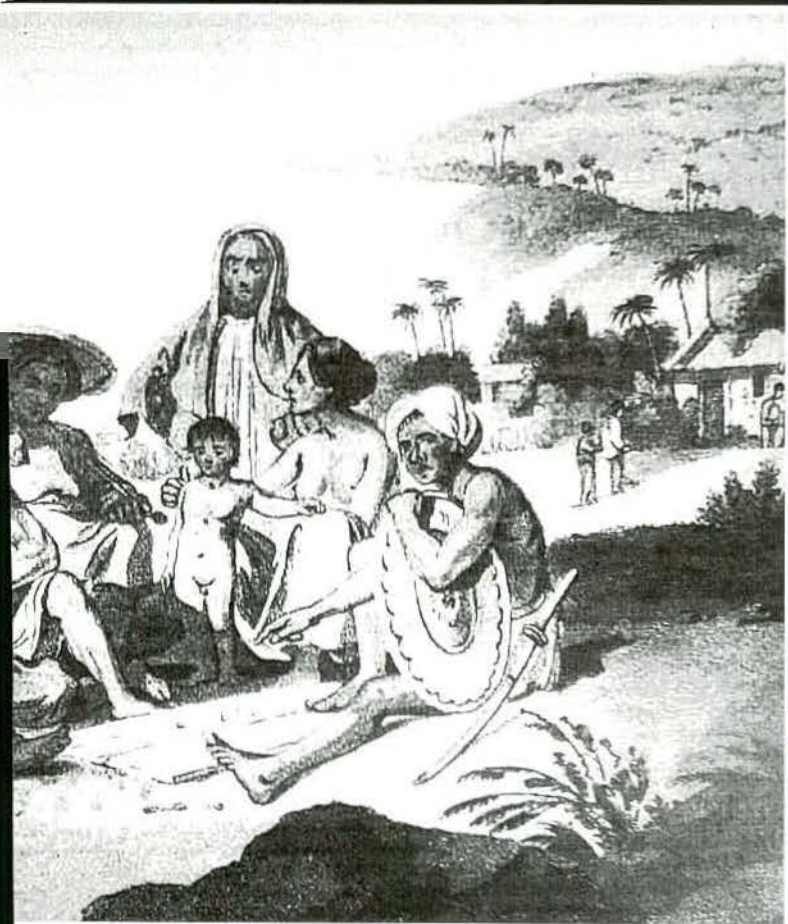
Thuyền bè của người Đàng Trong trên sông Fairo Hội An  
(Chuyến đi của Barrow).

"Đàn ông và phụ nữ Đàng Trong". Tranh khắc của Lachausse trẻ, theo Jacques Grasset Saint Sauveur. Trích từ *Chuyến đi đẹp như tranh ở hai phần của thế giới*, của Grasset-Saint-Sauveur. Paris bà góa Hocquart, 1806.

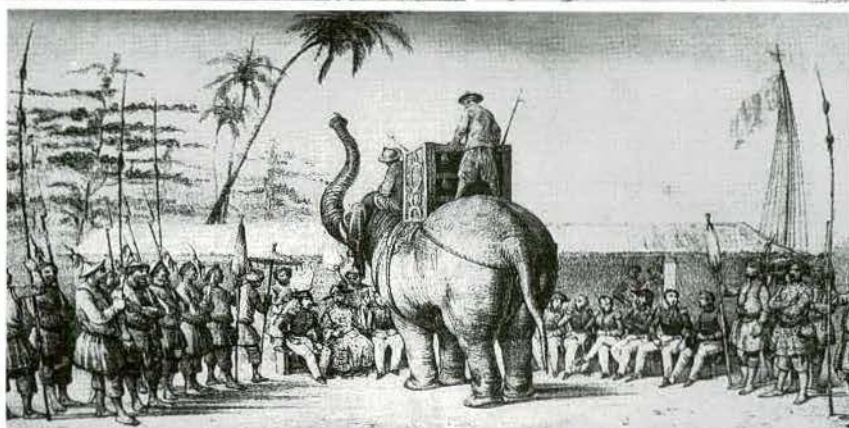


J. P. Sauveur del.  
*Homme et Femme*

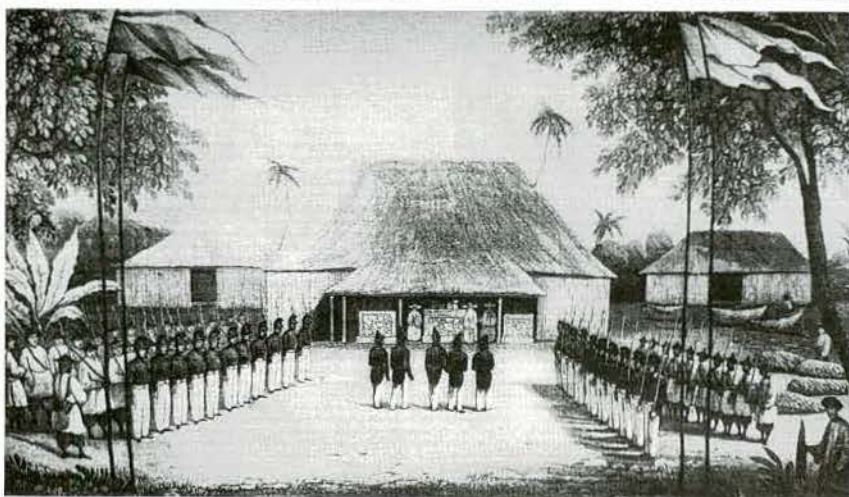
**Z π**  
LOGISTICS CO., LTD  
TÀI TRỢ TRANG NÀY



Quý tộc trên vòng. Tranh khắc bởi Clark trích từ Nhật ký hành trình của đại sứ từ Ấn Độ đến triều đình Xiêm và Đàng Trong.



"Các quan lại Đế quốc đón tiếp thuyền trưởng Bougainville". Khắc bởi V. Adam và Sabatier, theo phác thảo của E. B. de la Touanne, bản in litô của Bernard và Frey. Tranh 7, trích từ Nhật ký hàng hải vòng quanh địa cầu của tàu Thetis và tàu Esperance, trong những năm 1824, 1825, 1826... của nam tước Bougainville, đại úy hải quân. Paris, Bertrand, 1837 (Thư viện Quốc gia, Phòng Ấn phẩm).



"Buổi tiếp đón chỉ huy tàu Favorite bởi một viên quan Việt". Tranh khắc của Himely, theo Scholten và Paris, trang ảnh 49 và 51, trong Chuyến du hành vòng quanh thế giới của tàu Favorite, được tiến hành trong những năm 1830, 1831, 1832 dưới sự chỉ huy của Laplace, thuyền trưởng tàu khu trục. Paris Bertrand, 1835 (Thư viện Quốc gia, Phòng Ấn phẩm).

(Tiếp theo trang 33)

những vật phẩm quý giá trên mâm là đồ sứ nhập ngoại được bịt vàng. Việc nấu ăn do ngự trù-thượng thiện hoàng gia đảm trách, còn có những bữa ăn do phu nhân các quan đại thần danh tiếng trong triều tự tay nấu nướng mang vào cung. Trong ngày Tết Nguyên đán, người ta tổ chức cỗ bàn linh đình, uống nhiều rượu, cờ bạc và vui chơi. Trong ba ngày liền, nhà vua ban những bữa tiệc sang trọng cho quan lại và không ai được thoái thác. Trong phạm vi gia tộc, để tưởng nhớ tổ tiên, người ta cũng tổ chức cỗ bàn để thờ cúng.

## 5. TẠM KẾT

Kiến trúc, phương tiện đi lại, trang phục và ẩm thực... rất quan trọng, giúp phản ánh nền tảng văn hóa xã hội Đàng Trong. Ở vùng đất mới, sự thích ứng với những giá trị phương Nam từ nền tảng căn cốt Thăng Long, cộng hưởng khát vọng xây dựng đất mới ngày càng được thể hiện rõ nét, từ dần gian đến cung nội.

Khát vọng đó được hoàn thiện dưới thời Võ vương, mang lại nhiều diện mạo mới trong đời sống văn hóa Nam Hà theo hướng điển chế hóa của một vương triều. Những thành tựu đó đã xác lập được nét đại cương về văn hóa Đàng Trong, là nền tảng căn bản cho việc kế thừa, phát triển văn hóa Việt Nam thống nhất về sau, nhất là sự tái lập vương triều Nguyễn hồi đầu thế kỷ XIX.

Vấn đề đặt ra cấp thiết hiện nay là cần dữ liệu hóa các nguồn tài liệu thành văn, hiện vật và cả giai thoại, lễ nghi, nghiên cứu nhân danh, địa danh học... về thời Đàng Trong, gắn liền khát vọng kiến tạo bản sắc văn hóa, bản lĩnh quốc gia xứ Nam Hà. Kịp thời lấp đầy những khoảng trống tư liệu, dần giúp phác thảo, bổ sung cứ liệu để nhận thức về giai đoạn này ngày một chân thực hơn. ■



"Huế, phụ nữ Đàng Trong",  
khắc bởi Choubard, theo L.  
Massard. Trích *Chuyến đi của  
Filayson*.



Người lính Nam hà (John Barrow, 1972).

## CHÚ THÍCH

1. Thích Đại Sán (1963), *Hải ngoại ký sự*, Viện Đại học Huế - UB phiên dịch sử liệu Việt Nam, tr. 33-34.
2. Rhodes, Alexandre de (1994), *Hành trình và truyền giáo*, Thành phố Hồ Chí Minh: Ủy ban đoàn kết công giáo xuất bản, tr. 5, 69.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, H.: Nxb. Giáo Dục, tr. 159-160; Lê Quý Đôn (1977), *Toàn tập*, tập 1, *Phủ biên tạp lục*, H.: Nxb. KHXH, tr. 112.
4. Lê Quý Đôn (1977), *Toàn tập*, tập 1, *Phủ biên tạp lục*, Sđd, tr. 320.
5. Nguyễn Huy Quỳnh (2018), *Quảng Thuận đạo sử tập*, Nxb. Đại học Vinh, Vinh, tr. 32-33.
6. Lê Quý Đôn (1977), *Toàn tập*, tập 1, *Phủ biên tạp lục*, Sđd, tr. 320-321.
7. Lê Quý Đôn (1977), *Toàn tập*, tập 1, *Phủ biên tạp lục*, Sđd, tr. 112.
8. Thích Đại Sán (1963), *Hải ngoại ký sự*, Sđd, tr. 35, 42-43.
9. Mai Thị (1558-1571), *Phủ tập Quảng Nam ký sự*, trong Lê Hồng Long, Vũ Sùng Trà (1996), *Tư liệu thư tịch và di tích về nhân vật lịch sử Bùi Tá Hán (1496-1568)*, Sở VHHT Quảng Ngãi, tr. 26.
10. Quốc Sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sđd, tập 1, tr. 107, 187.
11. Rhodes, Alexandre de (1994), *Hành trình và truyền giáo*, Sđd, tr. 5, 69.
12. Thích Đại Sán (1963), *Hải ngoại ký sự*, Sđd, tr. 82.
13. Koffler, Jean. (1911), "Description historique de la Cochinchine [1766]", Traduit du latin par V. Barbier, *Revue Indochinoise XVI*, pp. 281-282.
14. Barrow, John, (2011), *Một chuyến du hành đến xứ Nam hà 1792-1793*, H. Nxb. Thế giới, tr. 72.
15. Koffler, Jean. (1911), "Description historique de la Cochinchine [1766]", Sđd, pp. 582-586.
16. Quốc Sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sđd, tập 1, tr. 151-152.
17. Koffler, Jean. (1911), "Description historique de la Cochinchine [1766]", Sđd, pp. 595-596.
18. Cadière, L. (1997), "Thay đổi trang phục dưới thời Võ vương hay là sự khủng hoảng về tín ngưỡng vào thế kỷ XVIII", *Những Người bạn Cổ đô Huế*, 1915, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 412.
- Huỳnh Thị Anh Vân (2014), "Cài cách của Võ vương Nguyễn Phúc Khoát thế kỷ XVIII và con đường để đến với Nho giáo ở Đàng Trong", *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11, Hà Nội, tr. 62-77.
19. Mai Thị (1558-1571), *Phủ tập Quảng Nam ký sự*, Sđd, tr. 26-27.
20. Thích Đại Sán (1963), *Hải ngoại ký sự*, Sđd, tr. 35.
21. - Le Floch de La Carrière (1787), Plan d'une partie des côtes de la Cochinchine, depuis Chamcollao et la rivière de Fayfo jusqu'à... Song-Huê... (1755 et 1759), Bản đồ lưu tại Thư viện Quốc gia Pháp.
- Vũ Hữu Minh (1997), "Tấm bản đồ Huế của Le Floch de la Carrière năm 1787", *Huế: Kỷ yếu Hội thảo khoa học 310 năm Phú Xuân - Huế*, tr. 29-37.
22. Nguyễn Sinh Duy (2001), "Nhật ký du hành gặp vua xứ Đàng Trong của James Bean", *Nghiên cứu Huế*, tập 2, tr. 154-156.
23. Quốc Sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sđd, tập 1, tr. 25.
24. Nguyễn Hữu Thông & Nhóm biên soạn (2010), *Từ Kế Độc đến Phước Tích: chân dung một ngôi làng gốm cổ bên dòng Ô Lâu*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
25. Mai Thị (1558-1571), *Phủ tập Quảng Nam ký sự*, Sđd, tr. 27.
26. Borri, Cristophoro (1998), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Sđd, tr. 4.
27. Li Tana (1999), *Xứ Đàng Trong...*, Sđd, tr. 200.
28. Barrow, John (2011), *Một chuyến du hành đến xứ Nam hà 1792-1793*, Sđd, tr. 63, 86.
29. Quốc Sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sđd, tập 1, tr. 5, 32, 56.
30. Borri, Cristophoro (1998), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Sđd, tr. 8.
31. Barrow, John (2011), *Một chuyến du hành đến xứ Nam hà 1792-1793*, Sđd, tr. 60-63, 81-84.